

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
(BECAMEX ACC)
Số: 82/2015/CBIT

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đ*CS

Ngày 14 tháng 11 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hồng Tuyên**, Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin "Báo cáo tài chính quý III/2015" và "Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2015"

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/11/2015 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỒNG TUYÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2015**

TRỤ SỞ CHÍNH:

- Trụ sở: Lô D_3_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0650.3567200
- Fax : 0650.3567201
- Email : becamexacc@gmail.com
- Website : www.becamexacc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	6-7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	8-9
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10-30
6. Phụ lục	31-34

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137,018,550,136	173,131,832,779
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5,796,643,527	32,403,653,658
1. Tiền	111		5,796,643,527	26,403,653,658
2. Các khoản tương đương tiền	112			6,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63,850,387,351	108,452,719,258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63,827,268,517	108,665,839,686
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	331,240,000	135,357,500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	171,621,847	131,265,085
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(479,743,013)	(479,743,013)
IV. Hàng tồn kho	140		63,877,234,126	29,975,890,579
1. Hàng tồn kho	141	V.6	63,877,234,126	29,975,890,579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,494,285,132	2,299,569,284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1,909,644,342	2,299,569,284
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,584,640,790	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115,412,836,647	108,101,885,663
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
4. Phải thu dài hạn khác	216			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		31,175,446,331	34,091,395,147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20,977,507,081	23,589,866,006
<i>Nguyên giá</i>	222		96,994,559,282	94,107,179,070
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(76,017,052,201)	(70,517,313,064)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10,197,939,250	10,501,529,141
<i>Nguyên giá</i>	228		12,917,736,421	12,917,736,421
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,719,797,171)	(2,416,207,280)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		362,996,827	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		362,996,827	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		83,298,351,200	73,681,851,200
1. Đầu tư vào công ty con	251		56,750,851,200	47,134,351,200
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	26,547,500,000	26,547,500,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
V. Tài sản dài hạn khác	260		576,042,289	328,639,316
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	576,042,289	328,639,316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Tài sản dài hạn khác	268			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252,431,386,783	281,233,718,442

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		65,497,822,109	86,246,178,596
I. Nợ ngắn hạn	310		65,497,822,109	86,246,178,596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	57,668,057,844	72,438,584,711
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1,252,713,875	1,670,550,933
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	820,534,638	3,032,992,644
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2,311,955,318	2,113,669,398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2,469,980,487	298,305,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	974,579,947	1,072,054,187
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	4,093,527,934
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	-	1,526,493,789
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186,933,564,674	194,987,539,846
I. Vốn chủ sở hữu	410		186,933,564,674	194,987,539,846
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	100,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	1,527,143,181	1,527,143,181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.19	9,055,511,950	9,055,511,950
4. Cổ phiếu quỹ	415			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	52,635,707,769	52,635,707,769
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	23,715,201,774	31,769,176,946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t	421a		6,769,176,946	31,769,176,946
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16,946,024,828	-
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252,431,386,783	281,233,718,442

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2015



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	54,947,173,355	48,176,828,718	178,269,204,440	182,778,714,611
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6,305,600	1,776,400	133,699,936	13,833,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54,940,867,755	48,175,052,318	178,135,504,504	182,764,881,611
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	42,369,762,342	39,947,660,844	142,050,828,070	149,640,378,483
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,571,105,413	8,227,391,474	36,084,676,434	33,124,503,128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	98,132,497	209,020,743	3,956,764,034	1,144,043,853
7. Chi phí tài chính	22		106,178,623		340,146,104	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		106,178,623		340,146,104	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2,407,155,509	1,927,990,688	7,753,632,616	5,506,866,145
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3,474,567,382	2,948,737,446	9,833,033,358	8,154,395,220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,681,336,396	3,559,684,083	22,114,628,390	20,607,285,616
11. Thu nhập khác	31		133,644,945	28,074	214,077,431	1,458,285,854
12. Chi phí khác	32		31,045,984	3,620	36,069,112	747,215,497
13. Lợi nhuận khác	40		102,598,961	24,454	178,008,319	711,070,357
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,783,935,357	3,559,708,537	22,292,636,709	21,318,355,973
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	785,760,178	442,687,377		2,141,398,022
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,998,175,179	3,117,021,160	20,178,400,176	19,176,957,951
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	-	-

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2015




Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,292,636,709	21,318,355,973
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	6,350,234,351	6,697,393,590
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,005,573,309)	(1,723,383,558)
- Chi phí lãi vay	06		340,146,104	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24,977,443,855	26,292,366,005
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43,017,691,117	56,815,469,553
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33,901,343,547)	(14,772,557,494)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14,630,302,485)	1,978,041,191
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		142,521,969	(460,182,000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(340,146,104)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2,621,768,812)	(2,641,195,022)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,758,869,137)	(4,245,054,346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,885,226,856	62,966,887,887
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	(3,797,282,362)	(1,968,142,038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		123,636,364	1,454,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,616,500,000)	(61,231,851,200)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	3,881,936,945	1,016,022,222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9,408,209,053)	(60,729,425,561)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	9,755,962,685	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13,849,490,619)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(24,990,500,000)	(29,993,310,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29,084,027,934)	(29,993,310,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26,607,010,131)	(27,755,847,674)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32,403,653,658	50,969,275,532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5,796,643,527	23,213,427,858

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2015


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thuý Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, cấu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu, vận chuyển hàng hóa; Cho thuê xe máy, thiết bị.
4. **Cấu trúc doanh nghiệp**
Danh sách các công ty con:
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình
5. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 Công ty có 274 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 266 nhân viên).
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc và thiết bị	02-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-08
Tài sản cố định hữu hình khác	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (42 năm).

Tiêu chuẩn kỹ thuật công

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (không phải công ty con) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí khác

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	Khen thưởng các thành viên trong ban quản lý, điều hành Công ty

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	29,004,259	47.972.488
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5,767,639,268	26.355.681.170
Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000
Cộng	5.796.643.527	32.403.653.658

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.638.254.957	14.031.491.762
b. Phải thu khách hàng dài hạn		
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một thành viên	40.207.070.648	79.534.950.002
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	248.990.994	1.719.347.782
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	4.300.010	2.150.005
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Việt	677.401.383	1.045.938.351
Công ty Cổ phần khoáng sản Becamex	10.925.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	4.040.325.325	12.331.961.784
Cộng	63.827.268.517	108.665.839.686

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Thời gia quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty TNHH XD - TM - DV xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát	173.194.526	173.194.526	173.194.526	173.194.526	47 tháng
Công ty TNHH TM - DV - XD Lộc Hoàng Gia	95.089.291	95.089.291	95.089.291	95.089.291	56,5 tháng
Công ty TNHH TM - XD cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	189.298.335	189.298.335	189.298.335	23 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Thời gia quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty TNHH dịch vụ thương mại sản xuất - xây dựng Đồng Mê Kông	547.078.879	547.078.879			
Cộng	1.004.661.031	1.004.661.031	457.582.152	457.582.152	

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Kỹ Thuật Đồng Thuận Phát	180.125.000	-
Công ty TNHH Xây Lắp Nhơn Nghĩa Thành	63.525.000	-
Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C	77.000.000	71.500.000
Các nhà cung cấp khác	10.590.000	63.857.500
Cộng	331.240.000	135.357.500

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	169.485.178	-	80.400.537	-
Phải thu lại bảo hiểm của nhân viên	1.572.166	-	618.242	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	564.503	-	50.246.306	-
Cộng	171.621.847	-	131.265.085	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm		(56.789.501)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	(56.789.501)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(422.953.512)	(422.953.512)
Cộng	(479.743.013)	(479.743.013)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	(479.743.013)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập trong kỳ	
Số cuối kỳ	(479.743.013)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.517.947.951	12.588.590.068
Công cụ, dụng cụ	597.060.882	60.609.159
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.607.871.815	9.181.783.978
Thành phẩm	8.080.640.632	8.053.009.595
Hàng hóa	53.804.181	37.591.759
Hàng gửi đi bán	19.908.665	54.306.020
Cộng	<u>63.877.234.126</u>	<u>29.975.890.579</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.055.444.546	2.032.484.339
Chi phí dịch vụ	854.199.796	267.084.945
Cộng	<u>1.909.644.342</u>	<u>2.299.569.284</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	547.035.309	266.693.362
Chi phí dịch vụ	29.006.980	61.945.954
Cộng	<u>576.042.289</u>	<u>328.639.316</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.847.642.556	53.938.098.888	27.214.835.084	1.762.836.361	343.766.181	94.107.179.070
Mua sắm mới		925.316.000	2.392.431.819			3.317.747.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	116.537.716					116.537.716
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(439.421.445)	-	-	(439.421.445)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(11.813.105)	(43.115.620)		(52.555.153)		(107.483.878)
Số cuối kỳ	<u>10.952.367.167</u>	<u>54.820.299.268</u>	<u>29.167.845.458</u>	<u>1.710.281.208</u>	<u>343.766.181</u>	<u>96.994.559.282</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	223.157.308	15.267.267.456	11.355.600.789	223.211.749	-	27.069.237.302
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.346.295.078	42.602.952.499	20.424.750.927	1.020.794.976	122.519.584	70.517.313.064
Khấu hao trong kỳ	759.409.213	3.680.698.739	1.428.184.904	139.039.699	39.311.905	6.046.644.460
Thanh lý, nhượng bán			(439.421.445)			(439.421.445)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(11.813.105)	(43.115.620)		(52.555.153)		(107.483.878)
Số cuối kỳ	<u>7.082.078.081</u>	<u>46.197.419.998</u>	<u>20.974.092.941</u>	<u>1.054.724.369</u>	<u>161.831.489</u>	<u>76.017.052.201</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.501.347.478	11.335.146.389	6.790.084.157	742.041.385	221.246.597	23.589.866.006
Số cuối kỳ	3.870.289.086	8.622.879.270	8.193.752.517	655.556.839	181.934.692	20.977.507.081

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 32.826.512.659 VND và 6.751.675.681 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tiêu chuẩn kỹ thuật công</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.769.135.713	542.840.908	605.759.800	12.917.736.421
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>11.769.135.713</u>	<u>542.840.908</u>	<u>605.759.800</u>	<u>12.917.736.421</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	174.659.090	70.610.000	245.269.090
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.771.375.017	376.755.220	268.077.043	2.416.207.280
Khấu hao trong kỳ	185.143.716	58.676.239	58.676.239	303.589.891
Số cuối kỳ	<u>1.956.518.733</u>	<u>436.525.156</u>	<u>326.753.282</u>	<u>2.719.797.171</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.997.760.696	166.085.688	337.682.757	10.501.529.141
Số cuối kỳ	<u>9.812.616.980</u>	<u>106.315.752</u>	<u>279.006.518</u>	<u>10.197.939.250</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ⁽ⁱ⁾	2.490.000	24.900.000.000	2.490.000	24.900.000.000
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	65.900	1.647.500.000	65.900	1.647.500.000
Cộng		<u>26.547.500.000</u>		<u>26.547.500.000</u>

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 ngày 06 tháng 6 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 24.900.000.000 VND, tương đương 12,45% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn****a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP TM và XNK Vật Tư Giao Thông (Tratimex)	8.852.402.600	8.852.402.600	3.690.492.300	3.690.492.300
Công Ty TNHH Cung Ứng Nhựa Đường (ADCo)	15.048.968.000	15.048.968.000	15.267.498.800	15.267.498.800
Công Ty TNHH Một Thành Viên Văn Tiến Nghĩa.	5.778.189.223	5.778.189.223	6.146.956.409	6.146.956.409
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - TNHH MTV	47.512.949	47.512.949	158.461.107	158.461.107
Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Phát Triển Bình Dương	1.483.357.245	1.483.357.245	3.822.228.638	3.822.228.638
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ & Truyền Thông Việt Nam	41.650.000	41.650.000	41.650.000	41.650.000
Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Becamex	465.557.117	465.557.117	353.313.046	353.313.046
Xí Nghiệp Cấp Nước Khu Liên Hợp-Cty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Môi Trường BD	9.359.800	9.359.800	-	-
c. Phải trả khác	25.941.060.910	25.941.060.910	42.957.984.411	42.957.984.411
Cộng	57.668.057.844	57.668.057.844	72.438.584.711	72.438.584.711

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV	468.665.910	468.665.910
Công Ty Cổ Phần đầu tư xây dựng Cao Su	383.306.000	
Công Ty Cổ Phần đầu tư xây dựng Đại Việt	120.998.130	
Công Ty Cổ Phần xây dựng đô thị Sông Hồng	146.600.960	
Khách hàng khác	133.142.875	1.201.885.023
Cộng	1.252.713.875	1.670.550.933

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.606.630.010	3.167.049.831	(4.773.679.841)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.087.107	2.114.236.533	(2.621.768.812)	786.554.828
Thuế thu nhập cá nhân	132.275.527	228.708.007	(327.003.724)	33.979.810
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	3.032.992.644	5.509.994.371	(7.722.452.377)	820.534.638

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất hiện hành trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.783.935.357	3.559.708.537
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.783.935.357	3.559.708.537
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	6.783.935.357	3.559.708.537
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.492.465.779	783.135.878
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(341.168.221)	(164.354.449)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(365.537.380)	(176.094.052)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	785.760.178	442.687.377

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	2.238.285.959	2.046.179.213
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	73.669.359	67.490.185
Cộng	<u>2.311.955.318</u>	<u>2.113.669.398</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	218.979.746	216.305.000
Chi phí khuyến mãi		82.000.000
Lương bổ sung	1.546.490.303	
Phí quảng cáo	125.000.000	
Chi phí thuê xe vận chuyển	325.160.438	
Thuê khuôn cồng	78.100.000	
Chi phí khác	176.250.000	
Cộng	<u>2.469.980.487</u>	<u>298.305.000</u>

16. Phải phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	226.440.360	136.040.308
Nhận ký quỹ ngắn hạn	65.000.000	57.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	478.340.721	481.486.715
Cổ tức phải trả	23.300.000	13.800.000
Lãi vay phải trả		10.233.820
Các khoản phải trả khác	181.498.866	373.493.344
Cộng	<u>974.579.947</u>	<u>1.072.054.187</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	9.755.962.685	13.849.490.619	4.093.527.934	4.093.527.934
Cộng	-	-	<u>9.755.962.685</u>	<u>13.849.490.619</u>	<u>4.093.527.934</u>	<u>4.093.527.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.297.201.635	2654349118	(3.951.550.753)	-
Quỹ phúc lợi	68.273.770	578026230	(646.300.000)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	161.018.384		(161.018.384)	-
Cộng	1.526.493.789	3232375348	(4.758.869.137)	-

19. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 114.550.000 VND (cùng kỳ năm trước là 22.160.322.000 VND)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Doanh thu		
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	22.178.780.147	20.492.186.818
- <i>Doanh thu thi công công trình</i>	31.541.189.995	26.522.006.279
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	1.227.203.213	1.162.635.621

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên		
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	13.491.367.642	15.172.555.719

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ	32.374.957	70.521.009
Bán thành phẩm	14.708.662.340	16.209.422.810
Bán hàng hóa	128.449.500	8.649.000
Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Bán thành phẩm	702.548.000	51.438.600
Bán hàng hóa	997.500	63.034.400
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	387.718.381	3.142.359.573
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Thi công công trình	100.905.049	523.501.961
Bán thành phẩm	119.610.400	116.310.900
Bán hàng hoá	5.840.000	17.560.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex		
Cung cấp dịch vụ	3.909.100	
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương		
Thi công công trình	65.072.370	
Bán hàng hoá	316.860	
Mua nguyên vật liệu	600.000	
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Bán thành phẩm	9.932.000	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại		
3. Giá vốn hàng bán		
	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	15.954.432.082	15.775.352.307
Giá vốn của thi công công trình	25.476.364.719	23.322.487.913
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	938.965.541	849.820.624
Cộng	<u>42.369.762.342</u>	<u>39.947.660.844</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp, thi công công trình và dịch vụ đã cung cấp như sau:		
	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	47.534.725.221	37.188.541.923
Chi nhân công trực tiếp	3.060.256.897	2.765.081.100
Chi phí sản xuất chung	12.249.383.735	13.179.427.866
Tổng chi phí sản xuất	<u>62.844.365.853</u>	<u>53.133.050.889</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(19.228.382.663)	(11.693.224.551)
Tổng giá thành sản xuất	43.615.983.190	41.439.826.338
Nhập khác		
Chênh lệch tồn kho thành phẩm		(1.820.016.982)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp, thi công công trình và dịch vụ đã cung cấp	41.859.940.967	39.619.809.356
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	75.666.667	176.500.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	22.465.830	32.520.743
Cộng	98.132.497	209.020.743
5. Chi phí bán hàng	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	983.143.872	774.399.987
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	775.717.571	686.504.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.425.661	35.313.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	407.318.525	339.450.863
Chi phí khác	226.549.880	92.321.408
Cộng	2.407.155.509	1.927.990.688
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.855.701.676	1.418.034.400
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.720.461	80.132.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.511.252	264.789.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.733.690	924.073.163
Chi phí khác	307.900.303	261.707.857
Cộng	3.474.567.382	2.948.737.446
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.526.655.327	45.043.919.020
Chi phí nhân công	7.387.892.910	6.539.548.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.156.685.815	2.149.225.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.593.624.200	3.651.317.137

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	1.035.792.775	625.769.080
Cộng	68.700.651.027	58.009.779.023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	339.713.500	313.954.500
Tiền thưởng	57.615.500	51.425.750
Cộng	397.329.000	365.380.250

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần Setia Becamex	Công ty liên kết của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 3	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phí quản lý phải trả	64.187.069	40.809.170

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	423.233.743	625.154.680
Cty cổ phần Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	768.657.068	1.789.408.147
Công ty TNHH Một thành viên cấp thoát nước môi trường Bình Dương		
Thuê dịch vụ	31.457.238	12.255.000
Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Việt Nam		
Thuê dịch vụ	11.580.000	10.990.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại V.2, V.11

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.796.643.527		5.796.643.527
Phải thu khách hàng	63.369.686.365	457.582.152	63.827.268.517
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000		26.547.500.000
Cộng	95.713.829.892	457.582.152	96.171.412.044
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.403.653.658	-	32.403.653.658
Phải thu khách hàng	108.053.587.839	612.251.847	108.665.839.686
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000	-	26.547.500.000
Cộng	167.004.741.497	612.251.847	167.616.993.344

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất là không đáng kể

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.796.643.527	-	32.403.653.658	-	5.796.643.527	32.403.653.658
Phải thu khách hàng	63.827.268.517	(479.743.013)	108.665.839.686	(479.743.013)	63.347.525.504	108.186.096.673
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000	-	26.547.500.000	-	26.547.500.000	26.547.500.000
Cộng	96.171.412.044	(479.743.013)	167.616.993.344	(479.743.013)	95.691.669.031	167.137.250.331

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	-	4.093.527.934	-	4.093.527.934
Phải trả người bán	57.668.057.844	72.438.584.711	57.668.057.844	72.438.584.711
Các khoản phải trả khác	3.218.120.074	1.234.318.879	3.218.120.074	1.234.318.879
Cộng	60.886.177.918	77.766.431.524	60.886.177.918	77.766.431.524

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2015



Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	33,161,532,710	14,643,623,536	39,387,621,655	197,775,433,032
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	19,176,957,951	19,176,957,951
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(3,387,876,101)	(3,387,876,101)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30,000,000,000)	(30,000,000,000)
Số dư cuối kỳ trước	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	33,161,532,710	14,643,623,536	25,176,703,505	183,564,514,882
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	52,635,707,769	-	31,769,176,946	194,987,539,846
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	20,178,400,176	20,178,400,176
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(3,232,375,348)	(3,232,375,348)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(25,000,000,000)	(25,000,000,000)
Số dư cuối kỳ này	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	52,635,707,769	-	23,715,201,774	186,933,564,674

Đơn vị tính: VND


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2015



Nguyễn Hồng Tuyền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực kinh doanh thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22,172,656,547	31,541,189,995	1,227,021,213	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,172,656,547	31,541,189,995	1,227,021,213	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6,218,224,465	6,064,825,276	288,055,672	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	12,571,105,413
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(5,881,722,891)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	6,689,382,522
Chi phí tài chính	-	-	-	98,132,497
Thu nhập khác	-	-	-	(106,178,623)
Chi phí khác	-	-	-	133,644,945
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(31,045,984)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(785,760,178)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	5,998,175,179
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	150,120,000	-	-	150,120,000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	836,727,708	1,093,928,652	-	1,930,656,360
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20,490,410,418	26,522,006,279	1,162,635,621	-	48,175,052,318
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,490,410,418	26,522,006,279	1,162,635,621	-	48,175,052,318
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4,715,058,111	3,199,518,366	312,814,997	-	8,227,391,474
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(4,876,728,134)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	3,350,663,340
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	209,020,743
Chi phí tài chính	-	-	-	-	28,074
Thu nhập khác	-	-	-	-	(3,620)
Chi phí khác	-	-	-	-	(442,687,377)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	3,117,021,160
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	206,197,545	-	-	-	206,197,545
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	835,776,407	1,097,442,537	-	-	1,933,218,944
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-


 Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thủy Vân
 Kế toán trưởng

Hình 13 Group, ngày 20 tháng 10 năm 2015

 CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
 Nguyễn Hồng Tuyên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				Đơn vị tính: VND
	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	
Số cuối kỳ				Cộng	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	38,929,516,374	109,202,874,125	672,775,998	-	148,805,166,497
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	103,626,220,286
Tổng tài sản	12,616,139,721	41,080,938,972	18,468,214	-	252,431,386,783
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	53,715,546,907
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	11,782,275,202
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	65,497,822,109
Tổng nợ phải trả	35,822,038,737	127,001,602,936	93,784,931	-	162,917,426,604
Số đầu năm	-	-	-	-	118,316,291,838
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	281,233,718,442
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	63,143,587,763
Tổng tài sản	3,641,762,023	59,501,825,740	-	-	23,102,590,833
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	86,246,178,596
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng


M.S.D.N.31700926112-C.C.P
BÌNH DƯƠNG, ngày 20 tháng 10 năm 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
TX. BẾN CÁT
ĐƯỜNG N7, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC, THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hồng Tuyển
Tổng Giám đốc